

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về tiếp tục đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội,
trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị,
hạ tầng khu, cụm công nghiệp đến năm 2030

Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động và lồng ghép nhiều nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, qua đó đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống hạ tầng giao thông từng bước được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, góp phần tăng cường kết nối nội tỉnh, liên vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế, khu vực động lực phát triển. Hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư, chỉnh trang, nâng cấp, góp phần làm thay đổi rõ nét diện mạo đô thị, mở rộng không gian phát triển và cải thiện điều kiện sống của người dân. Một số khu, cụm công nghiệp được hình thành, bước đầu phát huy hiệu quả trong thu hút đầu tư; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số được quan tâm đầu tư; hạ tầng xã hội thiết yếu tiếp tục được cải thiện. Kết quả đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất, lưu thông hàng hóa, thúc đẩy đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng không gian phát triển và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập. Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ; kết nối liên vùng, kết nối với các cực tăng trưởng, các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp, vùng sản xuất, khu du lịch còn hạn chế. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư; hạ tầng đô thị phát triển chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; hạ tầng công nghệ, hạ tầng số và hạ tầng phục vụ chuyển đổi số còn nhiều khó khăn; hạ tầng xã hội và hạ tầng hỗ trợ còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do tỉnh có địa hình miền núi, điều kiện đầu tư xây dựng còn khó khăn, xuất phát điểm thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế; một số cơ chế, chính sách còn bất cập. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, tổ chức thực hiện, giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực xã hội hóa ở một số lĩnh vực còn hạn chế; việc tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị có mặt còn chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ.

Giai đoạn 2026 – 2030 đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn đối với phát triển kết cấu hạ tầng của tỉnh. Việc triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh; yêu cầu phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hướng tới tăng trưởng hai con số; xu thế chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và sự xuất hiện của các mô hình

kinh tế mới; sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ giữa các địa phương trong thu hút đầu tư; yêu cầu tăng cường liên kết vùng, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn... đòi hỏi tỉnh phải tiếp tục tập trung đột phá phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đây là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược, nhằm mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững trong giai đoạn tới.

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là khâu đột phá, có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; phải đi trước một bước, tạo nền tảng, động lực và không gian phát triển mới.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng phải bám sát các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030, Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, thống nhất, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

3. Ưu tiên nguồn lực đầu tư các lĩnh vực hạ tầng có tính đột phá, lan tỏa cao; lấy hạ tầng giao thông làm trục kết nối; hạ tầng khu, cụm công nghiệp làm nền tảng thu hút đầu tư và phát triển sản xuất; hạ tầng đô thị làm động lực phát triển; hạ tầng công nghệ và hạ tầng số làm nền tảng cho chuyển đổi số, đổi mới mô hình tăng trưởng; đồng thời quan tâm phát triển đồng bộ các hạ tầng xã hội thiết yếu và hạ tầng hỗ trợ phát triển.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng phải gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đầu tư xây dựng.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đột phá phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; tập trung đầu tư các lĩnh vực hạ tầng trọng điểm, có tính nền tảng, lan tỏa và dẫn dắt, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch, hạ tầng văn hóa và các hạ tầng xã hội thiết yếu khác.

Tạo bước chuyển biến rõ nét về chất lượng kết cấu hạ tầng, góp phần mở rộng không gian phát triển, tăng cường liên kết nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và

quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng giao thông

Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại, liên hoàn, kết nối hiệu quả giữa các vùng trong tỉnh với hệ thống giao thông quốc gia, các địa phương trong vùng và khu vực cửa khẩu; phát huy vai trò là khâu đột phá then chốt trong mở rộng không gian phát triển, thúc đẩy liên kết vùng và tạo động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên đầu tư, hoàn thiện và đẩy nhanh tiến độ các tuyến giao thông chiến lược, trọng điểm theo Quy hoạch tỉnh, gồm: cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang kết nối đến Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy; các tuyến kết nối liên vùng quan trọng; các tuyến giao thông trục chính kết nối các đô thị động lực, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch trọng điểm, khu vực cửa khẩu và biên giới. Tiếp tục đầu tư nâng tỷ lệ đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa: Đường xã khoảng 85%, đường thôn khoảng 75%, đường ngõ xóm khoảng 65%, đường nội đồng khoảng 60%. Từng bước hình thành, hoàn thiện hệ thống logistics, cảng cạn, cảng, bến thủy nội địa, bến xe, trạm dừng nghỉ và các công trình hạ tầng hỗ trợ vận tải theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

2.2. Hạ tầng đô thị

Hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc; tiếp tục đầu tư phát triển đô thị Tuyên Quang và đô thị Hà Giang theo hướng hoàn thiện các tiêu chí của Đô thị loại II, phát huy vai trò là 02 đô thị trung tâm của tỉnh, giữ vị trí hạt nhân, đô thị lõi, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho vùng phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Đồng thời, từng bước đầu tư xây dựng các đô thị vệ tinh, đô thị động lực và một số khu vực có tiềm năng phát triển đô thị, góp phần mở rộng không gian phát triển và hỗ trợ các đô thị trung tâm, phù hợp với quy hoạch tỉnh, lộ trình phát triển đô thị và khả năng cân đối nguồn lực; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35%; hoàn thành chỉ tiêu xây dựng ít nhất 3.000 căn nhà ở xã hội và nhà ở công nhân.

2.3. Hạ tầng công nghệ

Hạ tầng công nghệ, hạ tầng số của tỉnh cơ bản được đầu tư đồng bộ, hiện đại, an toàn, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực. 100% hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu; 100% khu vực trung tâm xã có sóng thông tin di động 5G; 100% các thôn, tổ dân phố có sóng thông tin di động; xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (IOC), Trung tâm An ninh mạng tỉnh và hoàn thành cơ sở dữ liệu các dự án chuyển đổi số dùng chung sau sáp nhập.

2.4. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp

Hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại, theo hướng xanh, thông minh, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chú trọng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung, tạo quỹ đất sạch, nâng cao khả năng tiếp nhận các dự án công nghiệp có công nghệ phù hợp, giá trị gia tăng cao, sử dụng đất hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Tập trung ưu tiên hoàn thiện thủ tục, thu hút đầu tư, từng bước hình thành ít nhất 04 khu công nghiệp mới, gồm: Nhữ Khê, Sơn Thủy, Tam Đa, Phú Lương - Trường Sinh; đầu tư mở rộng Khu công nghiệp: Long Bình An, Nhữ Khê - Đội Cấn; Tam Đa; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Bình Vàng, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy. Thành lập ít nhất 08 cụm công nghiệp tại các địa bàn có lợi thế về quỹ đất, giao thông, lao động và khả năng thu hút đầu tư, trong đó ưu tiên một số cụm công nghiệp như: Phúc Ứng 4, Đồng Cả, Phú Lương và một số khu vực phù hợp khác theo quy hoạch tỉnh.

2.5. Các hạ tầng hỗ trợ khác

Tập trung nâng cấp hạ tầng giao thông kết nối, bãi đỗ xe, cấp điện, viễn thông, cảnh quan tại các khu, điểm du lịch trọng điểm (Tân Trào, Na Hang, Cao nguyên đá Đòng Vãn, Suối khoáng Mỹ Lâm, Cột cờ Lũng Cú, Mã Pì Lèng - sông Nho Quế).

Đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở như: Rạp Tháng 8, Khu liên hợp thể thao tỉnh và các nhà văn hóa, khu thể thao thôn bản. Phân đấu 100% xã, phường có thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động hiệu quả; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa – khu thể thao.

Xây dựng và hoàn thành 17 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới trong năm 2026-2027; kiên cố hóa 100% phòng học; từng bước nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia.

Đầu tư, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Hà Giang (phòng Hà Giang 2); nâng cấp Bệnh viện Đa khoa khu vực Đòng Vãn; cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang; 100% đơn vị y tế và trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất.

Từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng điện, thủy lợi, cấp nước và các hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu khác theo hướng đồng bộ, an toàn, tiện ích, hiện đại.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, tăng cường kết nối nội tỉnh, liên vùng

Tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển của tỉnh.

Trọng tâm là tập trung nguồn lực để hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án giao thông chiến lược, quan trọng theo Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 17/02/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm và làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà

Giang, gồm: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (đoạn từ xã Tân Quang đến Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy); các tuyến kết nối liên vùng Lạng Sơn – Thái Nguyên – Tuyên Quang – Lào Cai; tuyến từ Trung tâm hành chính tỉnh qua Bình Thuận – Phú Lương kết nối IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; cải tạo, nâng cấp QL.4C, QL.280, QL.34, QL.4, ĐT.191, ĐT.187, ĐT.186, ĐT.183, ĐT.182B, ĐT.189 và các tuyến đường biên giới, đường tuần tra biên giới (277,7 km); xây dựng các cầu lớn vượt sông và cầu biên giới; thí điểm đường thông minh; hoàn thành Trung tâm Logistics và các cảng, bến thủy nội địa; kè chống sạt lở hai bờ sông Lô, sông Gâm. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng cảng hàng không nội địa phục vụ phát triển du lịch tại xã Nà Hang theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực.

2. Phát triển hệ thống hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh, xanh và bền vững

Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, gắn với định hướng phát triển đô thị theo Quy hoạch tỉnh, phù hợp với yêu cầu phát triển mới sau sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; phát huy vai trò của đô thị trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

Đẩy mạnh rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch đô thị; ưu tiên đầu tư xây dựng, phát triển các đô thị trung tâm, đô thị động lực, đô thị hạt nhân, các khu đô thị mới, khu dân cư mới; từng bước hình thành các đô thị thông minh, xanh, có bản sắc, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh.

Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là giao thông đô thị, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, chiếu sáng, cây xanh, công viên, không gian công cộng, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, chỉnh trang đô thị và các công trình hạ tầng thiết yếu khác; nâng cao năng lực quản lý, vận hành và phát triển đô thị.

Quan tâm phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, gắn với phát triển đô thị, khu công nghiệp và nhu cầu thực tiễn của người dân; thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch, từng bước nâng cao chất lượng sống, diện mạo và sức hấp dẫn của hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển hạ tầng công nghệ và hạ tầng số

Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; phát triển hạ tầng công nghệ và hạ tầng số theo hướng hiện đại, an toàn, đồng bộ, rộng khắp, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng kết nối và chia sẻ dữ liệu, các hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành; đồng thời hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giáo dục, y tế, thương mại điện tử và các mô hình kinh tế mới.

Quan tâm đầu tư, nâng cấp các trạm phát sóng viễn thông, mở rộng vùng phủ sóng di động, nâng cấp hạ tầng đường truyền internet băng rộng đến cơ sở, từng bước khắc phục tình trạng “vùng lõm” về sóng di động và internet; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

Từng bước đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số dùng chung, trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh và các nền tảng số cần thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

4. Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Quy hoạch tỉnh; ưu tiên các khu, cụm công nghiệp có vị trí thuận lợi, kết nối giao thông tốt, có khả năng thu hút đầu tư lớn, hình thành các cực tăng trưởng và không gian phát triển công nghiệp mới.

Đối với khu công nghiệp, tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung, tạo quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các khu công nghiệp trọng điểm; đồng thời nghiên cứu, quy hoạch, thành lập mới, điều chỉnh quy mô các khu công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi.

Đối với cụm công nghiệp, tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, thành lập; đồng thời rà soát, bổ sung, phát triển các cụm công nghiệp mới tại các địa bàn có lợi thế phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, chế biến, chế tạo, dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp phải gắn với phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng dịch vụ, nhất là nhà ở công nhân, thiết chế công đoàn, cơ sở y tế, dịch vụ công cộng, đào tạo nghề, cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông, logistics; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư và sức cạnh tranh trong thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

5. Phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội và các hạ tầng hỗ trợ khác

Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch và các hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu khác; nâng cao năng lực phục vụ Nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

5.1. Hạ tầng giáo dục – đào tạo

Hoàn thiện xây dựng 17 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị; tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất trường học theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; ưu tiên các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới; nâng cao chất lượng dạy và học, tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh.

5.2. Hạ tầng y tế

Hoàn thiện đưa vào vận hành Bệnh viện Đa khoa tỉnh; tiếp tục nâng cao năng lực hệ thống y tế các cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực y tế; nâng cao khả năng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; khuyến khích thu hút đầu tư phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, bệnh viện tư nhân và cơ sở dưỡng lão ngoài công lập. Ưu tiên cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Hà Giang (phường Hà Giang 2), Bệnh viện Đa khoa khu vực Đồng Văn và Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang.

5.3. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

Tập trung hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ cơ sở đến tỉnh; đầu tư xây dựng hoàn thiện Rạp Tháng 8 và Khu liên hợp thể thao tỉnh; nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn bản. Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ du lịch tại các khu vực có tiềm năng, lợi thế (Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Danh lam thắng cảnh Na Hang – Lâm Bình; Bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng; Cao nguyên đá Đổng Văn, Suối khoáng Mỹ Lâm, Cột cờ Lũng Cú, Mã Pì Lèng - sông Nho Quế); nâng cao điều kiện phục vụ khách du lịch, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển dịch vụ và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

5.4. Hạ tầng điện

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống lưới điện; nâng cao năng lực cung cấp điện; giảm tổn thất điện năng; bảo đảm cung cấp điện ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt của Nhân dân; khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

5.5. Hạ tầng thủy lợi, cấp nước, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, hồ đập, kênh mương, công trình tiêu thoát nước; ưu tiên các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, kè chống sạt lở, bảo vệ dân cư và cơ sở hạ tầng thiết yếu. Bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhất là tại các khu vực còn khó khăn, thường xuyên thiếu nước; quan tâm đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, bảo đảm nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân khu vực nông thôn.

5.6. Hạ tầng thương mại, logistics và hạ tầng phục vụ thương mại điện tử

Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển của tỉnh; từng bước nâng cấp, chuyển đổi mô hình hoạt động các chợ truyền thống; ưu tiên phát triển trung tâm thương mại, logistics, hạ tầng phục vụ thương mại điện tử, nhất là tại các khu vực trung tâm, cửa ngõ giao thương, khu vực có lợi thế về kết nối giao thông. Quan tâm đầu tư hạ tầng thương mại, dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở; phát triển hệ thống kho bãi, kho xăng dầu, khí đốt, cửa hàng xăng dầu, trạm sạc điện và các công trình hạ tầng thương mại, dịch vụ thiết yếu khác, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu dùng của Nhân dân.

5.7. Các hạ tầng thiết yếu khác

Quan tâm đầu tư các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và các công trình thiết yếu khác, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống dân sinh, an toàn cộng đồng và khả năng ứng phó với các tình huống phát sinh trong giai đoạn mới. Tiếp tục đầu tư kè chống sạt lở hai bờ sông Lô, sông Gâm và các khu vực nguy cơ cao; ổn định dân cư vùng thiên tai; rà phá bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

IV- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển kết cấu hạ tầng

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết; xác định phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, có ý nghĩa nền tảng, động lực đối với phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải thiện môi trường đầu tư

Tập trung tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch với kế hoạch đầu tư, kế hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian của tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, môi trường, giải phóng mặt bằng và các thủ tục có liên quan.

Kịp thời rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các công trình, dự án; kiên quyết xử lý đối với các dự án chậm tiến độ, kéo dài, sử dụng đất kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Huy động tổng hợp, linh hoạt, hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt và lan tỏa đầu tư ngoài ngân sách; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách, có tính kết nối, tạo không gian phát triển mới và thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình giao thông động lực, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng số và các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh, an sinh xã hội.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực ngoài ngân sách; khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), ưu tiên các dự án giao thông kết nối trọng điểm, mang lại hiệu quả phát triển kinh tế xã hội cao; thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn và chỉnh trang đô thị bằng hình thức “nhân dân làm nhà nước hỗ trợ” và các hình thức đầu tư phù hợp. Tăng cường

hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, bố trí vốn, giải ngân và quyết toán vốn đầu tư.

4. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, quản lý đầu tư xây dựng và đẩy nhanh giải phóng mặt bằng

Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bảo đảm việc lựa chọn công trình, dự án có đủ căn cứ, phù hợp quy hoạch, nhu cầu thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực và hiệu quả đầu tư.

Tăng cường quản lý chặt chẽ các khâu trong quá trình đầu tư xây dựng; nâng cao chất lượng công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, chi phí, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng.

Đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng; tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng tại các khu vực dự kiến triển khai dự án; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và người đứng đầu trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm tiến độ thực hiện các công trình, dự án hạ tầng.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đô thị, giao thông, tài nguyên, môi trường, năng lượng, thương mại, giáo dục, y tế và các lĩnh vực hạ tầng khác; nâng cao chất lượng dự báo, điều hành, quản lý, vận hành và khai thác công trình hạ tầng.

Ưu tiên ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông minh, vật liệu mới, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường trong đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các công trình hạ tầng; từng bước hình thành các mô hình đô thị thông minh, giao thông thông minh, quản trị số và hạ tầng số dùng chung phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý hạ tầng, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật, nguồn nhân lực số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực mới.

6. Tăng cường tuyên truyền, phát huy đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và yêu cầu của Nghị quyết; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của phát triển kết cấu hạ tầng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý và theo dõi việc thực hiện các công trình, dự án hạ tầng; tăng cường

công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch, kế hoạch, danh mục đầu tư và tiến độ thực hiện.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn, từng lĩnh vực; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện. Thực hiện nghiêm chế độ sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, để xảy ra chậm trễ, thất thoát, lãng phí, vi phạm trong tổ chức thực hiện.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết thành cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch, danh mục công trình, dự án trọng điểm và lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, nghiên cứu, thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Nghị quyết thành các cơ chế, chính sách, nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh để bảo đảm cơ sở triển khai thực hiện; đồng thời tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức dân trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết trong hệ thống chính trị; chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền, nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, góp phần tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kiểm tra, giám sát việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết; tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hầu A Lệnh